TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2017/QĐST-KDTM	*Củ Chi, ngày 23 tháng 3 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 44/2016/TLST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2016.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Ông B**, sinh năm: 1985 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 253/UQ-QLN.16 ngày 29 tháng 11 năm 2016).

1.2. Bị đơn: **Ông P** Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Đường L, tổ M, ấp O, xã Q, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1.3.1. **Ông C** Sinh năm: 1948

1.3.2. **Bà T** Sinh năm: 1948

Cùng địa chỉ: Đường L, tổ M, ấp O, xã Q, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.3. **Bà M** Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Đường L, tổ M, ấp O, xã Q, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.4. **Ông S** Sinh năm: 1970

1.3.5. **Bà T1** Sinh năm: 1972

1.3.6. **Bà T2** Sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: Đường L, tổ M, ấp O, xã Q, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng A, ông P và ông C, bà T thỏa thuận thống nhất chấm dứt Hợp đồng cấp tín dụng số: CUU.CN.382.050515 ngày 07/5/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: CUC.CN.382.050515/SĐBS-01 ngày 31/3/2016 giữa Ngân hàng A (bên cấp tín dụng) và ông P (bên được cấp tín dụng) và Hợp đồng thế chấp tài sản số: CUC.BĐCN.158.050515 ngày 07/5/2015 giữa bà T, ông C (bên thế chấp) và Ngân hàng A (bên nhận thế chấp).

2.2. Ông P còn nợ Ngân hàng A số tiền tính đến ngày 15/3/2017 là 291,153,062đ (hai trăm chín mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba ngàn không trăm sáu mươi hai đồng), trong đó tiền nợ gốc: 276,483,549 đồng và tiền lãi suất quá hạn: 14,669,513 đồng

Ông P có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 291,153,062đ (hai trăm chín mươi mốt triệu một trăm năm mươi ba ngàn không trăm sáu mươi hai đồng), trả trong thời hạn 29 tháng. Phương thức trả làm 29 đợt, cụ thể:

Ngày 15/4/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/5/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/6/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/7/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/8/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/9/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/10/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/11/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/12/2017 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/01/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/02/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/3/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/4/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/5/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/6/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/7/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/8/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/9/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/10/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/11/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/12/2018 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/01/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/02/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/3/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/4/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/5/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 15/6/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 15/7/2019 trả số tiền 10.000.000 đồng;

Ngày 15/8/2019 trả hết số tiền còn lại là 11.153.062 đồng.

Trường hợp ông P không thi hành theo thỏa thuận như trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu thi hành ngay một lần đối với số tiền mà ông Phong còn nợ.

2.3. Ngân hàng A có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ sở hữu tài sản bảo đảm cho chủ tài sản bảo đảm (bà T), gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 700199 đã được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 30/12/2005, được cập nhật thay đổi ngày 18/7/2006 đứng tên bà T và tiến hành thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền ngay khi ông P đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên.

2.4. Trường hợp ông P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất 1.468,30m^2, thuộc thửa đất số 26, tờ bản đồ số 29 (BĐKTS), tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 700199 đã được Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp ngày 30/12/2005, được cập nhật thay đổi ngày 18/7/2006 đứng tên bà T để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông P đối với Ngân hàng A thì ông C, bà T được nhận lại phần giá trị còn lại của tài sản đã phát mãi.

2.5. Ông P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 16/3/2017 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ tương ứng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông P vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.6. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7,278,827đ (bảy triệu hai trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng), ông P chịu. Ông Phong chưa nộp án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền đã nộp là 7,312,777đ (bảy triệu ba trăm mười hai ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0005768 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi lập ngày 23/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Chính